

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 8 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Châu.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty P. Địa chỉ trụ sở: Số xxx, Quốc lộ x, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh K – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. (Vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phú Y, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên lạc: Số xxx, Quốc lộ x, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 20-12-2021). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Tiền Văn Th. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2021 của nguyên đơn Công ty P, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Phú Y trình bày:

Vào ngày 18-12-2020, Công ty P (viết tắt là Công ty P) và ông Nguyễn Văn U, ông Tiền Văn Th giao kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản (lúa) trong vụ Đông Xuân với nội dung: Công ty P cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và đảm bảo thu mua lúa đúng số lượng thực tế sản xuất; ông U, ông Thủ cam kết bán toàn bộ lúa thu hoạch cho Công ty P theo thực tế trong thời gian thu hoạch. Đến ngày 05-7-2021, Công ty P và ông U đã làm việc xác định trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ đầu tư tôn đọng vụ Đông Xuân 2020-2021, ông U xác nhận còn nợ Công ty P số tiền tổng cộng 188.635.000 đồng, cam kết thanh toán cho Công ty P số tiền 154.185.000 đồng trước ngày 31-7-2021, số tiền còn lại (53 bao phân) 34.450.000 đồng hai bên tiếp tục đối chiếu làm rõ. Tuy nhiên, ông U không thanh toán tiền cho Công ty P như đã cam kết. Sau đó, Công ty P thông báo thu nợ quá hạn cho ông U biết phải thanh toán số tiền còn nợ trước ngày 15-9-2021 nhưng ông U vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty P. Do đó, Công ty P khởi kiện yêu cầu ông U phải thanh toán số tiền 188.635.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 188.635.000 đồng, mức lãi suất 02%/tháng, tạm tính từ ngày 31-7-2021 đến ngày 20-12-2021, với số tiền 17.983.000 đồng. Tổng cộng ông U phải thanh toán cho Công ty P số tiền 206.618.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty P yêu cầu ông U thanh toán công nợ hai bên đã đối chiếu số tiền 154.185.000 đồng; rút lại yêu cầu ông U thanh toán số tiền 34.450.000 đồng (53 bao phân); rút lại yêu cầu ông U thanh toán tiền lãi đối với số tiền 188.635.000 đồng, từ ngày 31-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-8-2022), mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 16.593.903 đồng.

- Theo hồ sơ vụ án và tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11-02-2022, bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Ông U xác nhận giữa ông và Công ty P có ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản (lúa) trong vụ Đông Xuân, hợp đồng ký ngày 18-12-2020. Theo hợp đồng, Công ty P cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và đảm bảo thu mua lúa đúng số lượng thực tế sản xuất, về phía ông U cam kết bán toàn bộ lúa thu hoạch cho Công ty P theo thực tế trong thời gian thu hoạch. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã cung cấp lúa giống, vật tư nông nghiệp và tiền cọc lúa do ông U nhận với số tiền tổng cộng 188.635.000 đồng, vấn đề này hai bên đã làm việc thống nhất với nhau. Khi làm việc ông U cam kết trả cho Công ty P số tiền 154.185.000 đồng, trả trước ngày 31-7-2021 nhưng do vào vụ lúa mất giá nên vẫn chưa trả được.

Tuy nhiên, khi đến thời điểm thu hoạch, Công ty P không vào xem lúa, không thỏa thuận giá, thời gian thu hoạch nên các hộ dân phải bán lúa cho thương lái, thời điểm đó giá lúa sụt giảm ông U phải đứng ra nhận lúa, trả tiền cho bà con liên kết sản xuất. Sau đó, ông U có trả cho nhân viên của Công ty P số tiền mặt 20.000.000

đồng; Công ty P có thỏa thuận mua lại số lúa còn tồn kho với số lượng khoảng 10 tấn, giá 5.500 đồng/kg nhưng Công ty P không thực hiện thỏa thuận.

Ông U không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty P vì đã trả cho Công ty P số tiền 20.000.000 đồng. Công ty P thỏa thuận thu mua số lượng lúa còn tồn kho để cân trừ nợ nhưng không thực hiện. Ông U yêu cầu Công ty P phải mua lại số lúa còn tồn kho với số lượng khoảng 10 tấn, giá thỏa thuận ban đầu 6.700 đồng/kg.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P: Buộc ông U thanh toán cho Công ty P công nợ hai bên đã đối chiếu số tiền 154.185.000 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty P yêu cầu ông U thanh toán số tiền 34.450.000 đồng (53 bao phân) và yêu cầu ông U thanh toán tiền lãi đối với số tiền 188.635.000 đồng, từ ngày 31-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-8-2022), mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 16.593.903 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn U thanh toán công nợ hai bên đã đối chiếu, không yêu cầu xem xét quyền, nghĩa vụ các bên trong hợp đồng đã giao kết. Bị đơn ông U cư trú tại Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn U và người làm chứng ông Tiền Văn Th vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tiếp tục xét xử. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, ông U, ông Thủ đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông U đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người tham gia tố tụng này

không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty P rút lại yêu cầu ông U thanh toán số tiền 34.450.000 đồng (53 bao phân); rút lại yêu cầu ông U thanh toán tiền lãi đối với số tiền 188.635.000 đồng, từ ngày 31-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-8-2022), mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 16.593.903 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện này do Công ty P tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[4] Theo hồ sơ vụ án, Công ty P và ông U thống nhất vào ngày 18-12-2020 đã giao kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản (lúa) trong vụ Đông Xuân. Theo hợp đồng, Công ty P cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và đảm bảo thu mua lúa đúng số lượng thực tế sản xuất. Ông U, ông Thủ cam kết bán toàn bộ lúa thu hoạch cho Công ty P theo thực tế trong thời gian thu hoạch; vào ngày 05-7-2021, Công ty P và ông U đã làm việc xác nhận công nợ thuộc về trách nhiệm cá nhân ông U số tiền 188.635.000 đồng, ông U cam kết thanh toán cho Công ty P số tiền 154.185.000 đồng trước ngày 31-7-2021, số tiền còn lại (53 bao phân) 34.450.000 đồng hai bên tiếp tục đối chiếu với từng hộ dân. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử các tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty P yêu cầu ông U thanh toán số tiền 154.185.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản làm việc ngày 05-7-2021, ông U xác nhận công nợ thuộc về trách nhiệm cá nhân ông với Công ty P gồm tiền giống, tiền phân, tiền cọc lúa với số tiền 188.635.000 đồng và cam kết thanh toán số tiền 154.185.000 đồng trước ngày 31-7-2021 nhưng ông U không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Đến ngày 08-8-2021, Công ty P thông báo thu nợ quá hạn, yêu cầu ông U phải thanh toán số tiền 154.185.000 đồng trước ngày 15-9-2021, đến hạn ông U vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Công ty P yêu cầu ông U thanh toán số tiền 154.185.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ông U cho rằng đã trả cho nhân viên của Công ty P số tiền mặt 20.000.000 đồng nhưng Công ty P không thừa nhận và ông U không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, ông U yêu cầu Công ty P thu mua lại số lúa tồn kho số lượng khoảng 10 tấn, giá 6.700 đồng/kg nhưng Công ty P không đồng ý. Do đó, ý kiến trình bày này của ông U là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận. Công ty P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 229, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, Điều 280, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P, buộc ông Nguyễn Văn U phải thanh toán cho Công ty P số tiền 154.185.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty P có đơn yêu cầu thi hành án ông Nguyễn Văn U còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty P yêu cầu ông Nguyễn Văn U thanh toán số tiền (53 bao phân) 34.450.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu ông Nguyễn Văn U thanh toán tiền lãi đối với số tiền 188.635.000 đồng, từ ngày 31-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-8-2022), mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 16.593.903 đồng (bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm chín mươi ba nghìn chín trăm lẻ ba đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.709.250 đồng (bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Công ty P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.165.450 đồng (bằng chữ: Năm triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003554 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt